TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 6 - 2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Sinh
Ông Quan Văn Ngụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang* tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 20/2025/TLST-HNGĐ, ngày 08/4/2025 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 23/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trang Thị D, sinh năm 2000.
Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.
2. Bị đơn: Anh Thào A X, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

(*Nguyên đơn chị Trang Thị D có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Thào A X vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Trang Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thào A X tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016. Đến ngày 20/5/2019 mới đến UBND xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang thực hiện việc đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhà bố mẹ đẻ anh X tại thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh X nghi ngờ chị ngoại tình nên thường xuyên đánh chửi chị. Mặc dù đã được hai bên gia

đình và thôn hòa giải nhưng anh X vẫn không chịu thay đổi. Năm 2024, vợ chồng chị cùng đi làm công nhân tại tỉnh Hưng Yên, cùng ăn, ở cùng nhau nhưng anh X vẫn nghi ngờ chị ngoại tình nên thường xuyên đánh đập, hành hạ chị. Do không thể chịu đựng được cảnh bạo lực gia đình nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Cao Bằng và sống ly thân với anh X từ tháng 8/2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Thào A X đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thào A X, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới, hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Thào A X có 02 con chung là cháu Thào Thị Ngọc V, sinh ngày 12/11/2016 và cháu Thào Quang M, sinh ngày 07/4/2018. Kể từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Thào Thị Ngọc V và cháu Thào Quang M vẫn sống cùng anh X và ông bà nội là ông Thào A C và bà Lý Thị D nên khi ly hôn chị nhất trí giao cả hai con chung cho anh Thào A X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Thào A X sống cùng nhà với bố mẹ anh X là ông Thào A C và bà Lý Thị D nên chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung; vợ chồng chị cũng không có vay nợ chung, do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Thào A X trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trang Thị D tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2016, đến năm 2019 mới đến UBND xã V đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh cùng đi làm công nhân tại tỉnh Hưng Yên nảy sinh bất đồng về quan điểm sống nên xảy ra xích mích, đánh chửi nhau khiến cho hai bên gia đình phải can thiệp nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Cao Bằng và sống ly thân với anh từ cuối năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị Trang Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh không nhất trí vì mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn và đang sống ly thân với nhau nhưng anh vẫn còn tình cảm với vợ. Hơn nữa, anh cũng muốn chị D quay về đoàn tụ để cùng anh nuôi dạy con cái. Trường hợp chị D cương quyết ly hôn với anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị Trang Thị D có 02 con chung là Thào Thị Ngọc V, sinh ngày 12/11/2016 và cháu Thào Quang M, sinh ngày 07/4/2018. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì các con vẫn sống cùng anh. Trường hợp bắt buộc phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Trang Thị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống anh và chị Trang Thị D có tạo lập được một số tài sản chung. Trường hợp ly hôn thì anh và chị D sẽ tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trang Thị D và anh Thào A X tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của đồng bào dân tộc Mông từ năm 2016, đến năm 2019 thì đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới, vợ chồng chị D, anh X về chung sống với gia đình bố mẹ đẻ anh X là ông Thào A C và bà Lý Thị D tại thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách. Vợ chồng không yêu thương tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải, thôn xóm can thiệp nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Cao Bằng và sống ly thân với anh X từ tháng 8/2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Do đó, chính quyền địa phương nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh X đã đến mức độ trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trang Thị D đối với anh Thào A X theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Trang Thị D và anh Thào A X có 02 con chung là cháu Thào Thị Ngọc V, sinh ngày 12/11/2016 và cháu Thào Quang M, sinh ngày 07/4/2018. Kể từ khi vợ chồng chị Dậu và anh X sống ly thân thì các cháu Thào Thị Ngọc V và cháu Thào Quang M vẫn sống cùng anh X. Việc chị Trang Thị D và anh Thào A X tổ chức cưới hỏi và sinh con xuất phát từ hủ tục lạc hậu của đồng bào dân tộc Mông, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Trong những năm gần đây địa phương đã đẩy mạnh tuyên truyền để hạn chế tình trạng tảo hôn trong vùng đồng bào các dân tộc ít người, đặc biệt là đồng bào dân tộc Mông. Trường hợp của vợ chồng chị Trang Thị D và anh Thào A X là do lịch sử để lại nên khi giải quyết ly hôn địa phương đề nghị Tòa án xem xét, giúp đỡ vì hiện nay điều kiện kinh tế gia đình anh X gặp rất nhiều khó khăn. Kể từ khi chị D bỏ đi chỉ có một mình anh X lao động kiếm sống và chăm sóc các con.

Quá trình chung sống vợ chồng chị Trang Thị D và anh Thào A X chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung; vợ chồng chị D và anh X cũng không có vay nợ chung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội

đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trang Thị D thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Thào A X chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trang Thị D:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trang Thị D được ly hôn với anh Thào A X.

+ Về con chung: Giao hai con chung là cháu Thào Thị Ngọc V, sinh ngày 12/11/2016 và cháu Thào Quang M, sinh ngày 07/4/2018 cho anh Thào A X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trang Thị D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai chung: Do nguyên đơn chị Trang Thị D và bị đơn anh Thào A X đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Trang Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên do chị D là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn. Bị đơn anh Thào A X không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Trang Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn với anh Thào A X, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Thào A X có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Na Hang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh Thào A X đã biết được việc chị Trang Thị D khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh X không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Thào A X đến tham gia phiên tòa 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy, đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt, tự từ bỏ quyền lợi, trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Trang Thị D có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trang Thị D thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Thào A X chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Trang Thị D và anh Thào A X tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/5/2019. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống tại thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến đầu năm 2024 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, chính quyền can thiệp, hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh X từ tháng 8/2024 cho đến nay. Chị D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh X để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

Trong Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Thào A X cũng xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2024. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khi hai vợ chồng đi làm công nhân tại tỉnh Hưng Yên xảy ra xích mích, đánh chửi nhau khiến cho hai bên gia đình phải can thiệp. Sau đó chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Cao Bằng và sống ly thân với anh từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Anh đã nhiều lần lên tỉnh Cao Bằng khuyên nhủ, đón chị D quay về đoàn tụ nhưng chị D kiên quyết không đồng ý quay về đoàn tụ mà kiên quyết ly hôn với anh nhưng anh không nhất trí vì thấy mình vẫn còn tình cảm với vợ. Ngoài ra, anh cũng không muốn vợ chồng ly hôn cho các con có đầy đủ bố mẹ, để phát triển toàn diện.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị D và anh X phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 8/2024 không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hóa

giải mâu thuẫn, bản thân anh X cũng đã nhiều lần động viên, khuyên nhủ và lên tỉnh Cao Bằng để đón chị D về đoàn tụ nhưng chị D không đồng ý đoàn tụ mà kiên quyết ly hôn với anh X. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trang Thị D và anh Thào A X đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trang Thị D được ly hôn với anh Thào A X là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Trang Thị D và anh Thào A X có 02 con chung là Thào Thị Ngọc V, sinh ngày 12/11/2016 và cháu Thào Quang M, sinh ngày 07/4/2018. Kể từ khi chị D và anh X sống ly thân thì cháu V và cháu M vẫn sống cùng anh X. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trang Thị D nhất trí giao cả hai con chung cho anh Thào A X trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thào A X cũng nhất trí nhận nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng đối với cháu Thào Thị Ngọc V và Thào Quang M. Trong Biên bản lấy lời khai, các cháu Thào Thị Ngọc V và Thào Quang M cũng đều có nguyện vọng được sống cùng bố là anh Thào A X. Do đó, để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phát triển toàn diện của con chưa thành niên và theo nguyện vọng của các con, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cả hai con chung là cháu Thào Thị Ngọc V và cháu Thào Quang M cho anh Thào A X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trang Thị D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trang Thị D xác định không có tài sản, đất đai chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn anh Thào A X xác định quá trình chung sống vợ chồng anh có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do cả hai bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, đất đai chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của các đương sự thể hiện vợ chồng chị Trang Thị D và anh Thào A X không có vay nợ chung nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Trang Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Thào A X không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Về các vấn đề khác:

Đối với việc anh Thào A X quan hệ với chị Trang Thị D và sinh ra cháu Thào Thị Ngọc V khi chị D chưa đủ 16 tuổi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh X và chị D chung sống và sinh con với nhau khi chị D đang ở tuổi vị thành niên nhưng cuộc sống giữa hai người vẫn bình thường. Đến khi chị D đủ tuổi đăng ký kết hôn cả hai đã đến

cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện việc chị D và anh X kết hôn khi chị D đang ở tuổi vị thành niên xuất phát từ hủ tục lạc hậu của đồng bào dân tộc Mông, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do lịch sử để lại. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện chính quyền địa phương đề nghị Tòa án xem xét, tạo điều kiện cho anh X vì hiện tại điều kiện kinh tế gia đình của anh X gặp rất nhiều khó khăn, kể từ khi chị D bỏ đi chỉ có một mình anh X lao động kiếm sống để nuôi dưỡng, chăm sóc các con.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trang Thị D cũng xác định quá trình chung sống tình cảm của chị và anh X vẫn hạnh phúc, đến tháng 8/2024 do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến việc chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Chị chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh X chứ không yêu cầu xem xét hành vi anh X quan hệ với chị khi chị chưa đủ 16 tuổi vì việc chị và anh X chung sống với nhau là tự nguyện, xuất phát từ phong tục của dân tộc mình. Ngoài ra, kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì anh X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của anh Thào A X đã không còn nguy hiểm cho xã hội nên không kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét hành vi của anh Thào A X để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trang Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trang Thị D được ly hôn với anh Thào A X (*Giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 20/5/2019 tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Thào Thị Ngọc V, sinh ngày 12/11/2016 và cháu Thào Quang M, sinh ngày 07/4/2016 cho anh Thào A X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trang Thị D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Trang Thị D. Bị đơn anh Thào A X không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trang Thị D và bị đơn anh Thào A X được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày,

kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San